

Bản án số: 584/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Ông Nguyễn Phước Duy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 425/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 324/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim N, sinh năm 1985, địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp Long C, xã Thạnh Mỹ T, huyện Châu P, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Phước H, sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp Hưng T, xã Đào Hữu C, huyện Châu P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2022, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông H chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181 ngày 04/8/2005. Thời gian đầu sống hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông H không chăm lo cuộc sống gia đình, dùng lời lẽ khiếm nhã chửi, xúc phạm danh dự nhân phẩm, thường xuyên điện thoại tra tấn tinh thần. Bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Năm 2018, bà có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H, qua hoà giải của Tòa án, bà rút đơn khởi kiện, cho ông H cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà N yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 người con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 25/4/2006, hiện đang sống với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn là ông Lê Phước H trình bày:

Về hôn nhân: Ông H thống nhất lời trình bày của bà N về điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Theo ông H nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của ông, ông cam kết sẽ sửa chữa, thay đổi, giành nhiều thời gian chăm lo vợ, con và gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong được đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 01 người con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 25/4/2006, hiện đang sống với bà N. Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại

phiên tòa. Tuy nhiên bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà N và ông H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà N yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Bà và ông H có 01 người con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 25/4/2006, hiện đang sống với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 51, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 25/4/2006 cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dạy. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181 ngày 04/8/2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà N thì mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống là do thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông H không chăm lo cuộc sống gia đình, dùng lời lẽ khiếm nhã chửi, xúc phạm danh dự nhân phẩm, thường xuyên điện thoại tra tấn tinh thần. Bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Năm 2018, bà có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H, qua hoà giải của Tòa án, bà rút đơn khởi kiện, cho ông H cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà N yêu cầu ly hôn với ông H.

Ông H thống nhất lời trình bày của bà N về điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Theo ông H nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của ông, ông cam kết sẽ sửa chữa, thay đổi, giành nhiều thời gian chăm lo vợ, con và gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong được đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn với bà N.

Tuy nhiên việc ông H muốn đoàn tụ nhưng Tòa án đã triệu tập họp lệ ông H đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà N và ông H. Tại biên bản xác minh do Tòa án lập ngày 25/10/2022, đại diện ban ấp Hưng Thuận, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú cho biết trong quá trình chung sống bà N và ông H có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ do không nhận được thông tin.

Từ cơ sở trên xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà N yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông H có 01 người con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 25/4/2006, hiện đang sống với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy cháu Ngân hiện đang sống với bà N, cháu Ngân cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà N. Nên giao cháu Ngân cho bà N tiếp tục nuôi dạy.

Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim N.

Bà Lê Kim N được ly hôn với ông Lê Phước H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 181 ngày 04/8/2005 của Ủy ban nhân dân xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Kim N và ông Lê Phước H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim N, bà Lê Kim N được nuôi dạy con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 25/4/2006.

Ông Lê Phước H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Phước H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003732 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Lê Phước H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Đào Hữu Cảnh;
- UBND xã Thạnh Mỹ Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Dũng

